BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**93.763.933.833**	**89.519.359.160**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**VI.1**	**26.038.744.251**	**20.061.870.307**
1. Tiền	111		20.038.744.251	20.061.870.307
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**18.000.000.000**	**-**
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	18.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**V.3**	**25.013.084.443**	**40.013.048.470**
1. Phải thu khách hàng	131		21.685.784.773	13.291.223.530
2. Trả trước cho người bán	132		5.184.328.020	24.797.849.162
3. Các khoản phải thu khác	135		1.493.009.264	5.508.013.392
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.350.037.614)	(3.584.037.614)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**22.342.584.274**	**24.404.041.699**
Hàng tồn kho	141	V.4	22.342.584.274	24.404.041.699
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.369.520.865**	**5.040.398.684**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	543.909.006	644.847.894
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		35.922.265	557.748.108
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		3.915.424	914.085.551
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	1.785.774.170	2.923.717.131
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**104.211.214.942**	**78.290.958.856**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**	**-**
II. Tài sản cố định	**220**		**97.301.375.577**	**74.387.052.928**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	89.066.290.325	51.988.472.783
Nguyên giá	*222*		*153.933.099.783*	*104.593.494.985*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(64.866.809.458)*	*(52.605.022.202)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.637.865.040	1.900.370.683
Nguyên giá	*228*		*4.031.900.373*	*3.990.030.423*
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(2.394.035.333)*	*(2.089.659.740)*
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	6.597.220.212	20.498.209.462
III. Bất động sản đầu tư	**240**		**-**	**-**
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**1.240.441.088**	**1.098.090.588**
1. Đầu tư vào Công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	1.240.441.088	1.098.090.588
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**5.669.398.277**	**2.805.815.340**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	5.299.543.850	2.592.255.252
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		47.069.813	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		322.784.614	213.560.088
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**197.975.148.775**	**167.810.318.016**